

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 614/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phơ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Như Thủy

Bà Nguyễn Kim Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa 93/2020/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà L.H.O, sinh năm 1983; địa chỉ: đường D4, Tổ 25, Khu phố B, phường H, Quận X, Thành phố H; (vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông C.T.Th, sinh năm 1979; địa chỉ: đường D4, Tổ 25, Khu phố B, phường H, Quận X, Thành phố H; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án xác định như sau:

Bà L.H.O và ông C.T.Th qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2011, tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ khi vợ chồng sinh con thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, luôn tranh cãi và mâu thuẫn xảy ra ngày càng

hiều. Nguyên nhân do áp lực về kinh tế và bất đồng quan điểm trong cuộc sống ngày càng lớn. Vợ chồng không ai chịu nhường bộ, nên không thể giải quyết những mâu thuẫn. Bà O nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, không thể tiếp tục cuộc sống chung, đã sống ly thân đến nay đã 03 (ba) nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L.H.O yêu cầu được ly hôn với ông C.T.Th.

Về con chung: Bà O và ông Th có 02 (hai) con chung là: C. K. M (Nam), sinh ngày 30/10/2011 và C. H. V (Nam), sinh ngày 30/6/2015. Hiện nay cả hai con đều đang sống với bà O, sau khi ly hôn bà O có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung là C. K. M và C. H. V, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà L.H.O xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà L.H.O xác định vợ chồng không có nợ chung.

Ông C.T.Th vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng những quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[2] Nguyên đơn bà L.H.O khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn ông C.T.Th có nơi cư trú tại Quận 7 nên đây là “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà L.H.O có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà O theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 204/2020/QĐ-CCTLCC ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7 do Công an phường Tân Hưng, Quận 7 xác nhận: Ông C.T.Th có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Căn hộ B17-02 Chung cư Hoàng Anh Thanh Bình, đường D4, Tổ 25, Khu phố 4, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đến thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Th tại địa chỉ trên, nhưng ông Th vắng mặt, ngoài địa chỉ cư trú này không có cơ sở để xác định ông Th hiện đang cư trú tại địa chỉ nào khác. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu của các đương sự:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Bà L.H.O và ông C.T.Th tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37 ngày 07/4/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn đã trầm trọng không khắc phục và hàn gắn được do không có được tiếng nói chung. Bà O xác định tình cảm không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà L.H.O và ông C.T.Th có 02 (hai) con chung là C.K.M (Nam), sinh ngày 30/10/2011 và C. H. V (Nam), sinh ngày 30/6/2015; cả hai trẻ đều đang ở cùng bà O, trẻ C.K.M có nguyện vọng sống cùng mẹ khi ba mẹ ly hôn, trẻ C.K.M còn nhỏ, ông Th thường xuyên vắng mặt tại nhà, không thể giao con chung cho ông Th chăm sóc. Do đó, giao con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của trẻ, đảm bảo quyền lợi của trẻ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Bà O tự nguyện không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về tài sản chung: Bà L.H.O xác định không có tài sản chung.

[10] Về nợ chung: Bà L.H.O xác định không có nợ chung.

[11] Về án phí: Bà L.H.O phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 ; Điểm a Khoản 1 Điều 35 ; Điểm a Khoản 1 Điều 39 ; Điều 147; Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L.H.O được ly hôn với ông C.T.Th (Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 07/4/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

2. Về con chung: Giao cho bà L.H.O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 (hai) con chung là C.K.M (Nam), sinh ngày 30/10/2011 và C. H. V (Nam), sinh ngày 30/6/2015 sau khi ly hôn. Ông C.T.Th không cấp dưỡng nuôi con.

Ông C.T.Th có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí sơ thẩm: Bà L.H.O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2018/0032629 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Thị Phơ**